



wǔ fēn zhī yī

五分之一

fraction · one fifth

Example Sentences

wǔ fēn zhī yī de xué shēng méi yǒu wán chéng zuò yè
五分之一的学生没有完成作业。

One fifth of the students didn't finish their homework.

zhè ge chéng shì de rén kǒu dà yuē zhàn quán guó de wǔ fēn zhī yī
这个城市的人口大约占全国的五分之一。

This city's population is about one fifth of the country's total.

Trace each character, then write the word on your own.

五	五	五	五	五	五	五								
分	分	分	分	分	分	分								
之	之	之	之	之	之									
一	一	一	一											